| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 57 /2018/QĐST – DS. | *N, ngày 08 tháng 11 năm 2018.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 108/2018/TLST – DS ngày 08 tháng 10 năm 2018;

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Đồng nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: X, tổ S, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc Q; Địa chỉ: Tổ B, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2018).

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H – Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Mạnh H; Địa chỉ: Số nhà N, đường B, tổ V, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

**2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T đề nghị chuyển giao nghĩa vụ trả nợ tiền để ông Trần Mạnh H thực hiện đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, với lý do khi thôi giữ chức vụ giám đốc Công ty cho đến nay ông Trần Mạnh H chưa bàn giao gì liên quan đến khoản nợ mà đồng nguyên đơn yêu cầu. Tuy được ông Trần Mạnh H chấp nhận nhưng đồng nguyên đơn không chấp nhận việc chuyển giao nghĩa vụ này.

Vì vậy các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Đồng nguyên đơn xin rút phần khởi kiện đối với số tiền tính lãi 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T và ông Trần Mạnh H cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị H số tiền còn lại là 1.290.726.250đ (Một tỷ, hai trăm chín mươi triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T và ông Trần Mạnh H có trách nhiệm trả nợ như sau:

- Ngày 30/12/2018 trả 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng);
- Ngày 30/4/2019 trả 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng);
- Ngày 30/10/2019 trả 490.726.250đ (Bốn trăm chín mươi triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa đồng nguyên đơn với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T và ông Trần Mạnh H: Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T và ông Trần Mạnh H chậm trả tiền theo thỏa thuận trên thì phải trả lãi 10%/ năm/số tiền chậm trả.

-*Về án phí*: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Trần Mạnh H nhận nộp 25.360.893đ (*hai mươi lăm*

*triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị H được nhận lại 26.261.000đ (*hai mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000163 ngày 05/10/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
-Đồng nguyên đơn;
-Bị đơn;
-Người liên quan;
-VKSND huyện;
- THADS huyện;
-Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hảo**